TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày: 21 -02 -2020
V/v: đòi tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2.Bà Trần Thị Đổi

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 606/2019/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947

1.2. Bà Lê Thị Ng, sinh năm sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: Ấp Nhơn Hòa 1, xã Đức Hòa Thượng,huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.3. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1996

1.4. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh 1989

1.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Là những người thừa kế quyền khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà Ng, anh Đ và anh L là ông Nguyễn Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019 (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 8 năm 2019, trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H thừa kế quyền khởi kiện bà Nguyễn Hồng Ng và ông H đại diện cho những người thừa kế khác là ông Đ, ông L, ông Th và bà Ng trình bày:

Bà Nguyễn Hồng Ng sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016 có chồng là ông (Nguyễn Văn H) có hai người con tên Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Hữu L, mẹ bà Ng là bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Văn Th. Lúc còn sống bà Ng có làm thảo hụi còn bà Nguyễn Thị T là hụi viên, bà T có tham gia các dây hụi như sau:

1/ Hụi mở ngày 10/01/2015, có 24 phần mỗi phần là 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, bà T tham gia 02 phần và hốt ngày 10/01/2015 đã đóng được 19 kỳ còn thiếu 3 kỳ hụi chết với số tiền là 5.000.000 đồng x 3 kỳ x 2 =30.000.000 đồng;

2/ Hụi mở ngày 10/5/2015, hụi có 21 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần bà T tham gia 01 phần và hốt đầu tiên đóng được 15 kỳ hụi chết còn thiếu 05 kỳ hụi chết với số tiền là 2.000.000 đồng x 05 kỳ = 10.000.000 đồng.

3/ Hụi mở ngày 10/6/2015, hụi có 26 phần mỗi phần 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần bà T tham gia 01 phần và hốt đầu tiên đóng được 14 kỳ hụi chết còn thiếu 11 kỳ hụi chết với số tiền là 1.000.000 đồng x 11 kỳ = 11.000.000 đồng.

4/Hụi mở ngày 10/10/2015, hụi có 19 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần bà T tham gia 01 phần và hốt đầu tiên đóng được 10 kỳ hụi chết còn thiếu 05 kỳ hụi chết với số tiền là 2.000.000 đồng x 08 kỳ = 16.000.000 đồng.

5/Hụi mở ngày 10/12/2015, hụi có 19 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần bà tham gia 01 phần và hốt đầu tiên đóng được 08 kỳ hụi chết còn thiếu 10 kỳ hụi chết với số tiền là 5.000.000 đồng x 10 kỳ = 50.000.000 đồng.

Tổng cộng bà T còn thiếu 117.000.000 đồng hụi chết. Ngoài ra bà T còn 02 phần hụi sống 5.000.000 đồng bà T đã đóng 09 kỳ với số tiền là 68 triệu đồng. Khấu trừ hụi chết vào hụi sống thì bà T còn thiếu 117.000.000 đồng – 68.000.000 đồng = 49.000.000 đồng. Nay ông chỉ yêu cầu bà T trả 49.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thống nhất có tham gia hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Hồng Ng như ông H nêu trên là đúng, sau khi bà Ng chết giữa bà và ông H có chốt nợ với nhau. Bà còn thiếu gia đình ông H tiền hụi là

49.000.000 đồng nhưng vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn bà xin trả 20.000.000 đồng, phần còn lại bà xin không trả.

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H đồng ý bớt cho bà T 9.000.000 đồng, ông chỉ yêu cầu bà T trả 40.000.000 đồng.

Bà T không đồng ý trả 40.000.000 đồng chỉ đồng ý trả 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: "*Đòi tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp hụi"* vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Các ông bà Th, H, Ng, Đ và L là những người thừa kế quyền đòi tài sản của bà Nguyễn Hồng Ng là phù hợp Điều 374 Bộ luật dân sự năm 2015. Các ông bà (nguyên đơn) cho rằng bà Nguyễn Thị T xâm phạm quyền lợi của các ông bà nên các ông bà có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 BLTTDS.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Văn H với bên bà Nguyễn Thị T có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong năm 2015, bà T có tham gia Hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Hồng Ng (vợ ông H) đã chết ngày 22/7/2016. Sau khi bà Ng chết giữa ông H và bà T có chốt hụi bà T còn thiếu lại những người thừa kế của bà Ng là 49.000.000 đồng. Các đương sự đều thừa nhận việc này nên Hội đồng xét xử công nhận đây là tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Các vấn đề tranh chấp: bà T cho rằng gia cảnh khó khăn nên xin trả 20.000.000 đồng không đồng ý trả 49.000.000 đồng. Đối với ông H đồng ý cho lại bà T là 9.000.000 đồng chỉ yêu cầu bà T trả 40.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện của ông H cho lại bà T 9.000.000 đồng là có lợi cho bà T nên ghi nhận. Do đó cần buộc bà T phải trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Ng số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp với Điều 374 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471 và Điều 374, Điều 611, Điều 613, Điều 651, Điều 382 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L về việc "*Đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng góp hụi* " với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông (bà)Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2/Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thi T phải nộp 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho các ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L 1.225.000 đồng theo biên lai số 3902 ngày 27/11/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy